TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Bích Q, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã L, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2025, nguyên đơn chị Trần Bích Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Bích Q và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ngày 28/5/2019. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, không thể hàn gắn. Nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 17/11/2014, hiện nay chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28/5/2025, nguyên đơn chị Trần Bích Q có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bích Q và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) ngày 28/5/2019 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Bích Q, thấy rằng: Hiện nay chị Q không còn tình cảm yêu thương anh T và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị Q. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Q và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trường hợp tiếp tục chung sống với anh T sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 17/11/2014, hiện nay chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh T không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở ý chí nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của chị Q vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Khánh D cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tại văn bản ngày 28/5/2025, chị Q không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Bích Q ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh D (nam), sinh ngày 17/11/2014 cho chị Trần Bích Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Bích Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Bích Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 11/4/2025, chị Trần Bích Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0005461 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Minh Út